



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI TỪ THÁNG 9 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của phường Hồng Châu)

STT	Họ và tên đối tượng (Người giám hộ/ ủy quyền - nếu có)	Ngày sinh	Tổ dân phố	Tháng bắt đầu hưởng mức trợ cấp theo Nghị định 335/NĐ-CP	Hệ số trợ cấp	Mức đang hưởng trước khi điều chỉnh theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP (đồng/tháng)	Mức được hưởng theo quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP (đồng/tháng)	Số tiền chênh lệch (đồng/tháng)	Thời gian được tính chênh lệch	Tổng tiền chênh lệch được truy lĩnh
1	Nguyễn Văn Khương	20/09/1951	An Châu	9-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	1 tháng	40,000
2	Trần Văn Long	24/09/1951	An Châu	9-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	1 tháng	40,000



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI TỪ THÁNG 8 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 6698/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của phường Hồng Châu)

STT	Họ và tên đối tượng (Người giám hộ/ ủy quyền - nếu có)	Ngày sinh	Tổ dân phố	Tháng bắt đầu hưởng mức trợ cấp theo Nghị định 335/NĐ-CP	Hệ số trợ cấp	Mức đang hưởng trước khi điều chỉnh theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP (đồng/tháng)	Mức được hưởng theo quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP (đồng/tháng)	Số tiền chênh lệch (đồng/tháng)	Thời gian được tính chênh lệch	Tổng tiền chênh lệch được truy lĩnh
1	Nguyễn Văn Khánh	15/08/1951	Quảng Châu 3	8-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	2 tháng	80,000
2	Phạm Thị Ngừ	01/01/1951	Phù Sa	8-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	2 tháng	80,000
3	Vũ Thanh Tình	28/08/1951	Phù Sa	8-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	2 tháng	80,000



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI TỪ THÁNG 7 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của phường Hồng Châu)

STT	Họ và tên đối tượng (Người giám hộ/ ủy quyền - nếu có)	Ngày sinh	Tổ dân phố	Tháng bắt đầu hưởng mức trợ cấp theo Nghị định 335/NĐ-CP	Hệ số trợ cấp	Mức đang hưởng trước khi điều chỉnh theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP (đồng/tháng)	Mức được hưởng theo quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP (đồng/tháng)	Số tiền chênh lệch (đồng/tháng)	Thời gian được tính chênh lệch	Tổng tiền chênh lệch được truy lĩnh
1	NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định									
1	Lã Thị Bim	18/12/1948	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
2	Đào Khắc Cảnh	01/01/1947	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
3	Nguyễn Minh Khanh	01/01/1942	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
4	Quách Thị Mai	07/09/1948	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
5	Lã Thị Tào	01/01/1951	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
6	Dương Thị Táp	01/01/1947	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
7	Bùi Mạnh Thắng	17/10/1946	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
8	Nguyễn Đại Thắng	20/01/1948	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
9	Phạm Thị Ba	01/04/1932	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
10	Trần Thị Cúc	07/04/1929	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
11	Nguyễn Thị Duyên	01/01/1950	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
12	Đỗ Ngọc Dy	10/02/1950	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
13	Phạm Thị Gái	01/01/1921	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
14	Nguyễn Thị Hạnh	01/01/1935	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
15	Phương Thị Hiền	27/06/1942	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
16	Trịnh Xuân Hiền	01/01/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
17	Nguyễn Thị Hồ	01/01/1935	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
18	Trịnh Thị Hồi	05/01/1947	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
19	Vũ Thị Hồi	01/05/1947	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
20	Hà Việt Hồng	18/05/1946	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
21	Lương Minh Hùng	01/12/1943	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
22	Phan Văn Ký	01/01/1944	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

23	Phạm Thị Lịch	01/03/1950	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
24	Phạm Thị Luân	10/01/1937	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
25	Nguyễn Thị Lược	08/01/1932	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
26	Phương Thị Mịch	20/08/1936	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
27	Nguyễn Văn Minh	15/05/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
28	Phan Thị Mỹ	01/01/1932	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
29	Nguyễn Thị Năm	01/01/1934	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
30	Phạm Công Nghị	01/01/1944	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
31	Phạm Thị Ngo	10/10/1944	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
32	Đỗ Thị Nhâm	01/01/1938	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
33	Trịnh Thị Nhấn	20/05/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
34	Trịnh Thị Quynh	01/01/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
35	Nguyễn Văn Sâu	01/03/1940	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
36	Đỗ Thị Sửu	21/11/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
37	Vũ Thị Sý	01/01/1924	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
38	Trần Thị Tích	01/01/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
39	Phạm Thị Tình	01/01/1929	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
40	Lê Thị Tuyết	01/01/1939	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
41	Vũ Thị Tự	01/01/1938	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
42	Phạm Thị Thịnh	01/08/1949	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
43	Bùi Thị Thông	10/06/1943	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
44	Đào Thị Thơm	01/01/1936	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
45	Đỗ Thị Thú	01/01/1933	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
46	Trịnh Thị Thùy	01/01/1941	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
47	Đỗ Thị Vân	20/04/1940	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
48	Phạm Thị Viên	01/01/1947	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
49	Nguyễn Văn Bình	23/03/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
50	Nguyễn Văn Cấn	10/01/1944	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
51	Dương Thị Chín	01/01/1939	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
52	Phạm Thị Chúc	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
53	Dương Thị Dục	01/01/1937	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
54	Nguyễn Thị Dung	12/09/1946	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

55	Nguyễn Văn Duyên	07/07/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
56	Trần Thị Gái	01/01/1941	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
57	Nguyễn Thị Giới	01/01/1939	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
58	Nguyễn Thị Hải	05/04/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
59	Nguyễn Văn Hán	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
60	Vương Văn Hiền	02/02/1943	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
61	Phạm Thị Kim Hoàn	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
62	Đặng Văn Hợp	11/11/1936	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
63	Phạm Văn Hùng	01/01/1933	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
64	Dương Văn Hùng	08/01/1946	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
65	Nguyễn Thị Kiều	20/06/1945	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
66	Nguyễn Tất Khanh	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
67	Nguyễn Thị Loan	15/12/1949	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
68	Phạm Thị Loan	01/01/1938	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
69	Trần Thị Lộc	01/01/1935	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
70	Nguyễn Trường Lưu	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
71	Nguyễn Xuân Mai	01/01/1941	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
72	Đào Thị Miên	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
73	Vương Thị Nụ	13/12/1948	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
74	Nguyễn Thị Nhân	01/01/1945	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
75	Đặng Thị Nhật	28/12/1948	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
76	Nguyễn Thị Ốc	12/10/1928	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
77	Đào Thị Phái	01/01/1943	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
78	Nguyễn Mạnh Phong	03/01/1947	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
79	Nguyễn Thị Phú	12/10/1944	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
80	Trần Thị Phúc	01/01/1937	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
81	Phan Thị Quyết	01/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
82	Phạm Thị Soan	24/03/1930	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
83	Nguyễn Thị Sửu	02/10/1949	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
84	Dương Thị Tý	07/01/1947	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
85	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1951	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
86	Bùi Thị Thiệp	19/08/1947	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

87	Nguyễn Thị Thìn	01/01/1928	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
88	Trần Thị Trịnh	10/10/1949	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
89	Nguyễn Thị Vinh	01/01/1945	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
90	Hoàng Văn Vĩnh	16/02/1951	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
91	Đỗ Thị Vy	16/02/1942	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
92	Nguyễn Thị Xâm	01/01/1941	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
93	Phạm Thị Xuyến	01/01/1934	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
94	Bùi Thị Cầu	01/01/1923	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
95	Đặng Thị Cây	08/01/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
96	Nguyễn Thị Châm	17/05/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
97	Đỗ Thị Duyên	08/07/1949	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
98	Nguyễn Văn Lượng	01/08/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
99	Phan Thị Nga	15/02/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
100	Phan Ngọc Nho	10/10/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
101	Trịnh Thị Minh Tâm	01/05/1942	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
102	Dương Hữu Thu	16/10/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
103	Phạm Thị Chắt	01/01/1940	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
104	Lã Thị Hòe	20/03/1942	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
105	Trần Văn Huân	01/01/1940	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
106	Nguyễn Thế Khải	03/02/1944	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
107	Nguyễn Đức Tường	01/01/1937	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
108	Bùi Văn Bân	01/01/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
109	Dương Thị Bích	18/06/1942	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
110	Dương Văn Bình	01/01/1939	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
111	Phan Xuân Bình	07/08/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
112	Trần Thị Bình	01/01/1937	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
113	Phan Thị Cẩm	01/01/1937	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
114	Đào Khắc Cầu	01/01/1931	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
115	Nguyễn Thị Cây	15/07/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
116	Trần Thị Chắt	01/01/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
117	Nguyễn Thị Chít	01/01/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
118	Dương Thị Duyên	01/01/1945	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

119	Lã Thị Đạm	01/01/1930	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
120	Đào Thị Đào	01/01/1933	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
121	Đào Thị Đào	01/01/1938	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
122	Trần Thị Đệ	01/01/1942	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
123	Nguyễn Nhật Diễm	20/05/1944	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
124	Dương Thị Định	06/10/1941	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
125	Nguyễn Thị Gái	01/01/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
126	Trần Văn Há	01/01/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
127	Phan Thị Hi	01/01/1942	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
128	Lương Thị Huân	01/01/1930	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
129	Trần Văn Hùng	30/10/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
130	Phan Thị Hương	01/01/1945	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
131	Bùi Thị Kén	01/01/1946	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
132	Trần Thị Lộc	01/01/1944	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
133	Dương Văn Luyến	21/12/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
134	Dương Thị Lựu	10/10/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
135	Trần Văn Mùi	01/01/1937	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
136	Phạm Thị Mỹ	01/01/1942	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
137	Đỗ Thị Nghiêm	20/08/1948	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
138	Dương Thị Nguyên	01/01/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
139	Đặng Thị Nhâm	01/01/1934	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
140	Trần Thị Nhị	01/01/1940	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
141	Nguyễn Thị Nhị	05/07/1944	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
142	Bùi Văn Nhỡ	01/01/1939	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
143	Trần Thị Phòng	01/01/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
144	Dương Văn Quang	15/10/1948	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
145	Nguyễn Văn Quyết	01/01/1948	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
146	Trần Thị Sân	11/01/1951	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
147	Nguyễn Thị Soi	01/01/1931	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
148	Dương Thị Tảo	01/01/1941	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
149	Phan Văn Tinh	01/01/1945	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
150	Trần Quốc Toàn	07/09/1950	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

151	Trần Văn Toanh	11/01/1951	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
152	Lê Thị Tuất	01/01/1946	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
153	Trần Văn Tứ	01/01/1942	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
154	Bùi Thị Thái	01/09/1942	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
155	Trần Văn Thanh	01/01/1948	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
156	Lã Thị Thiện	01/01/1937	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
157	Nguyễn Thị Thìn	01/01/1940	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
158	Bùi Thị Thìn	01/01/1948	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
159	Trần Thị Thịnh	01/01/1945	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
160	Nguyễn Thị Thuận	01/01/1939	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
161	Trần Thị Thủy	01/01/1948	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
162	Phạm Thị Thúy	01/01/1946	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
163	Phạm Thị Thương	01/01/1938	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
164	Nguyễn Đình Trọng	01/01/1939	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
165	Phan Văn Trực	10/10/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
166	Dương Đức Uyên	17/12/1949	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
167	Phan Thị Uyên	01/01/1937	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
168	Trần Đức Vỹ	01/01/1937	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
169	Nguyễn Thị Xiêm	01/01/1951	Quảng Châu 1	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
170	Dương Thị Bảo	01/01/1946	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
171	Trần Văn Bình (Bùi Thị Hòa)	20/09/1950	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
172	Tạ Thị Bính	01/01/1930	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
173	Phạm Thị Cấn	01/01/1938	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
174	Nguyễn Thị Chát	01/01/1929	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
175	Bùi Thị Chát	01/01/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
176	Dương Thị Chín	01/01/1951	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
177	Nguyễn Thị Chuôi	01/01/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
178	Dương Thị Chút	01/01/1950	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
179	Dương Thị Dư	01/01/1945	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
180	Đào Thị Đạm	01/01/1936	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
181	Trần Văn Đạt	13/08/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
182	Trần Thị Điềm	01/01/1937	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

183	Nguyễn Thị Định	15/10/1940	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
184	Dương Thị Đoài	01/01/1951	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
185	Dương Thành Hinh	19/08/2025	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
186	Trần Thị Hồng	01/01/1931	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
187	Phan Thị Huê	01/01/1948	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
188	Trần Văn Hưng	01/01/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
189	Nguyễn Văn Hường	01/01/1948	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
190	Dương Thị Hường	01/01/1936	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
191	Dương Thị Kim	10/11/1950	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
192	Dương Thị Liên	18/05/1944	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
193	Bùi Đức Lợi	03/02/1946	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
194	Dương Văn Luận	01/01/1936	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
195	Trần Thị Mau	29/04/1948	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
196	Trần Thị Miên	12/01/1951	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
197	Vũ Văn Mùi	26/02/1951	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
198	Phạm Thị Mừng	01/01/1935	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
199	Dương Thị Mỹ	01/01/1943	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
200	Nguyễn Văn Năm	01/01/1929	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
201	Trần Thị Nga	01/01/1942	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
202	Dương Văn Ngân	01/01/1940	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
203	Bùi Xuân Nghi	28/04/1944	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
204	Trần Minh Phúc	25/07/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
205	Trần Quyết	19/01/1945	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
206	Dương Ngọc Sen	01/01/1932	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
207	Nguyễn Thị Tần	01/01/1942	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
208	Vũ Văn Tiên	26/05/1949	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
209	Nguyễn Văn Tinh	01/01/1932	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
210	Nguyễn Thị Tuyết	01/01/1930	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
211	Dương Văn Thắng	18/10/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
212	Bùi Thị Thắm	01/01/1933	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
213	Trần Thị Thắm	01/01/1949	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
214	Bùi Văn Thế	22/12/1950	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

215	Trần Văn Thuận	01/01/1935	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
216	Dương Văn Thụy	02/03/1937	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
217	Nguyễn Văn Thự	03/02/1948	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
218	Dương Văn Tri	15/05/2021	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
219	Dương Mạnh Vây	01/01/1947	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
220	Nguyễn Thị Xế	24/01/1949	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
221	Nguyễn Đình Xiển	17/07/1950	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
222	Phạm Thị Yên	01/01/1932	Quảng Châu 2	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
223	Phan Thị Âm	01/01/1941	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
224	Trần Thị Bé	01/01/1932	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
225	Dương Thị Bé	01/01/1946	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
226	Dương Thị Bốn	01/01/1949	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
227	Trần Thị Cộg	01/01/1939	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
228	Phan Thị Chắt	01/01/1944	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
229	Trần Thị Chắt	08/08/1947	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
230	Trần Văn Chiến	20/07/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
231	Nguyễn Thị Chinh	01/01/1938	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
232	Phạm Thị Chinh	01/01/1951	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
233	Phan Văn Dân	15/12/1948	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
234	Trần Thị Điều	01/01/1940	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
235	Dương Thị Đông	01/01/1930	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
236	Vũ Thị Gái	01/01/1930	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
237	Trần Thị Gấm	18/01/1948	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
238	Phạm Đức Hai	01/01/1949	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
239	Dương Thị Hào	01/01/1935	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
240	Trần Thị Hòa	01/01/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
241	Trần Văn Hưng	12/05/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
242	Bùi Thị Kén	01/01/1946	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
243	Đào Thị Khơi	01/01/1935	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
244	Trần Thị Lan	01/01/1936	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
245	Dương Thị Láng	01/01/1928	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
246	Đinh Thị Lạng	01/01/1925	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

247	Nguyễn Thị Lanh	01/01/1946	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
248	Dương Thị Lương	13/03/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
249	Nguyễn Thị Lựu	20/09/1947	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
250	Phạm Văn Mạnh	01/01/1941	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
251	Dương Thị Mây	01/01/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
252	Nguyễn Thị Miến	01/01/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
253	Phan Thị Mừng	13/10/1947	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
254	Trần Quang Nam	01/01/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
255	Bùi Thị Ngàn	01/01/1934	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
256	Trần Văn Nghị	01/01/1945	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
257	Dương Văn Nghĩa	01/01/1946	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
258	Nguyễn Thị Nghiên	03/08/1947	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
259	Phan Thị Ngoan	01/01/1939	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
260	Lương Thị Ngọc	01/01/1930	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
261	Dương Văn Nhật	01/05/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
262	Dương Thị Nhị	01/01/1951	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
263	Phạm Văn Oanh	25/06/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
264	Phan Văn Sáng	01/01/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
265	Dương Hữu Sáu	01/01/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
266	Nguyễn Thị Sen	07/02/1940	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
267	Nguyễn Thị Sói	01/01/1942	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
268	Nguyễn Đình Tiền	01/01/1935	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
269	Trần Thị Tít	01/01/1937	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
270	Trần Văn Tuấn	01/01/1951	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
271	Dương Văn Tuyển	06/06/1949	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
272	Nguyễn Văn Thái	01/11/1947	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
273	Bùi Văn Thắng	01/01/1942	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
274	Trần Ngọc Thâm	08/05/1950	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
275	Dương Thị Thâm	01/01/1936	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
276	Nguyễn Thị Thát	01/01/1935	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
277	Dương Thị Thêm	01/01/1932	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
278	Nguyễn Thị Thu	01/01/1938	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

279	Lã Văn Thuyết	29/11/1945	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
280	Dương Thị Trịnh	01/01/1941	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
281	Lã Thị Uyên	01/01/1946	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
282	Nguyễn Thị Viên	01/01/1939	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
283	Dương Thị Viên	01/01/1948	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
284	Dương Thị Vinh	31/12/1946	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
285	Dương Thị Y	01/01/1935	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
286	Lã Thị Ninh	01/01/1951	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
287	Nguyễn Văn Am	14/07/1942	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
288	Nguyễn Thị Bảo	01/01/1938	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
289	Nguyễn Thị Bùi	04/01/1946	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
290	Dương Văn Cách	23/12/1946	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
291	Dương Văn Cánh	01/01/1948	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
292	Trần Văn Cờ	19/07/1951	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
293	Trần Văn Chám	20/04/1947	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
294	Dương Hữu Chất	01/01/1939	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
295	Dương Thị Chất	01/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
296	Dương Thị Chín	01/01/1937	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
297	Trần Văn Chúc	24/02/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
298	Trần Văn Diên	20/05/1951	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
299	Trần Văn Dur	01/01/1938	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
300	Nguyễn Văn Đăng	07/05/1945	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
301	Nguyễn Văn Đăng	01/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
302	Dương Hữu Điểm	01/01/1946	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
303	Nguyễn Nhật Điểm	01/01/1949	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
304	Lã Thị Được	01/01/1943	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
305	Dương Thị Hạnh	01/01/1934	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
306	Dương Hữu Hiến	01/01/1932	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
307	Dương Thị Hiếu	01/01/1946	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
308	Dương Văn Hòa	01/01/1943	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
309	Bùi Quang Khải	01/01/1934	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
310	Phan Thị Khuôn	01/01/1943	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

311	Lý Thị Lan	01/10/1948	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
312	Dương Thị Liễm	01/01/1936	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
313	Đào Thị Liễu	01/01/1943	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
314	Nguyễn Thị Linh	01/01/1937	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
315	Phạm Thị Luyến	01/01/1942	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
316	Dương Thị Lự	02/01/1942	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
317	Phan Thị Lựu	01/01/1936	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
318	Nguyễn Ngọc Mai	01/01/1943	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
319	Trần Thị Mão	06/03/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
320	Trần Thị Mơ	01/01/1938	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
321	Dương Văn Múng	06/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
322	Đào Thị Năm	01/01/1937	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
323	Nguyễn Tiến Nền	19/08/2025	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
324	Nguyễn Đình Nuôi	04/10/1949	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
325	Trần Văn Nuôi	04/01/1941	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
326	Nguyễn Thị Nuôi	01/01/1934	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
327	Nguyễn Thị Nuôi	01/04/1944	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
328	Trần Thị Nhạn	01/01/1931	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
329	Dương Thị Nhật	01/01/1948	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
330	Đào Thị Nhớn	01/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
331	Trần Văn Phúc	01/01/1938	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
332	Dương Thị Phúc	01/01/1939	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
333	Dương Văn Sánh	01/01/1947	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
334	Trần Thị Sáu	01/01/1935	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
335	Lê Thị Sinh	01/01/1951	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
336	Bùi Văn Tình	02/01/1935	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
337	Dương Văn Tới	14/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
338	Phạm Thị Tý	01/01/1944	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
339	Lã Thị Thêm	04/10/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
340	Dương Thị Thơ	01/01/1932	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
341	Dương Thị Thơm	01/01/1934	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
342	Vũ Xuân Thu	01/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

343	Bùi Văn Thuyết	01/01/1941	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
344	Trần Thị Thung	01/01/1938	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
345	Phan Xuân Trường	10/11/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
346	Dương Hữu Viễn	01/12/1948	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
347	Nguyễn Xuân Vọng	01/01/1934	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
348	Dương Văn Vui	10/02/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
349	Trần Thị Xâm	01/01/1928	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
350	Dương Thị Xiêm	01/01/1938	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
351	Dương Thị Am	01/01/1945	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
352	Dương Thị An	05/02/1940	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
353	Trần Thị Bình	01/01/1950	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
354	Dương Xuân Chính	05/08/1950	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
355	Nguyễn Thị Chụ	01/01/1950	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
356	Trần Thị Chuôm	01/01/1934	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
357	Lã Văn Đăng	01/01/1929	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
358	Trần Thị Hiền	01/01/1949	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
359	Lã Thị Hiền	01/01/1937	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
360	Dương Hữu Hưng	20/04/1945	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
361	Vũ Thị Hường	01/01/1943	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
362	Trần Thị Khâm	01/01/1935	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
363	Phan Thị Khản	01/01/1935	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
364	Phan Thị Liên	01/01/1940	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
365	Vũ Thị Liệu	01/01/1938	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
366	Phan Thị Lựa	01/01/1941	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
367	Dương Thị Lý	01/01/1936	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
368	Dương Thị Mịch	20/10/1941	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
369	Dương Hữu Miên	01/01/1938	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
370	Dương Thị Miện	01/01/1942	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
371	Nguyễn Thị Mơ	01/01/1951	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
372	Nguyễn Thị Nết	01/01/1947	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
373	Nguyễn Đình Nghĩa	01/02/1943	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
374	Bùi Thị Ngoan	01/01/1940	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

375	Dương Thị Nhân	01/01/1948	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
376	Nguyễn Thị Nhung	02/01/1947	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
377	Trần Thị Tâm	01/01/1940	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
378	Nguyễn Văn Tinh	01/01/1932	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
379	Dương Thị Tĩnh	01/01/1937	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
380	Dương Hữu Thắng	01/01/1931	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
381	Phạm Thị Thiệp	01/01/1937	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
382	Phan Văn Thơm	01/01/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
383	Trần Hữu Thơm	20/08/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
384	Bùi Thị Thơm	01/01/1943	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
385	Dương Thị Thơm	07/02/1945	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
386	Phạm Xuân Thu	01/01/1949	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
387	Trần Văn Thu	20/10/1950	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
388	Đào Khắc Vê	25/05/1947	Quảng Châu 4	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
389	Phan Thị Vị	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
390	Dương Thị Vinh	01/01/1926	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
391	Trần Thị Châu	01/01/1947	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
392	Nguyễn Thị Chát	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
393	Trần Thị Chát	01/01/1940	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
394	Trần Thị Chúc	01/01/1950	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
395	Vũ Văn Dưỡng	01/01/1951	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
396	Dương Thị Đăng	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
397	Phan Văn Diệt	01/01/1933	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
398	Dương Văn Đông	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
399	Trần Thị Đường	01/01/1937	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
400	Trần Thị Hiền	01/01/1936	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
401	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1949	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
402	Nguyễn Văn Hưng	15/02/1950	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
403	Trần Thị Kiều	01/01/1944	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
404	Trần Hữu Ký	01/01/1937	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
405	Dương Thị Lãng	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
406	Phan Văn Lê	01/01/1949	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

407	Trần Văn Lục	21/07/1948	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
408	Trần Thị Lực	01/01/1938	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
409	Dương Thị Minh	10/02/1950	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
410	Dương Thị Minh	01/01/1940	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
411	Trần Thị Mùi	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
412	Dương Thị Nuôi	01/01/1946	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
413	Dương Thị Ngát	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
414	Dương Thị Ngân	01/01/1941	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
415	Dương Đức Nguyên	01/01/1930	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
416	Dương Văn Nhạ	01/01/1930	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
417	Nguyễn Thị Nhị	01/01/1933	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
418	Nguyễn Đình Nhự	02/09/1949	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
419	Dương Văn Siêm	01/01/1946	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
420	Dương Thị Sứu	08/01/1947	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
421	Dương Văn Sứy	15/10/1942	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
422	Trần Thị Tẹo	25/09/1949	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
423	Nguyễn Thị Từu	01/01/1932	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
424	Vũ Thị Thìn	01/01/1939	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
425	Lã Văn Thinh	01/01/1946	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
426	Nguyễn Văn Thom	12/12/1943	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
427	Trần Thị Thủy	01/01/1941	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
428	Nguyễn Văn Trù	18/11/1943	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
429	Nguyễn Đình Trục	02/02/1936	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
430	Trần Ngọc Trường	15/05/1949	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
431	Dương Công Uẩn	01/01/1935	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
432	Đào Xuân Biên	10/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
433	Nguyễn Thị Bình	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
434	Trần Văn Cầm	01/01/1939	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
435	Dương Thị Cậy	01/01/1935	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
436	Dương Thị Côi	10/07/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
437	Dương Thị Cúc	11/10/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
438	Nguyễn Hữu Chính	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

439	Đào Quang Diệu	01/01/1936	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
440	Dương Văn Duyên	01/01/1944	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
441	Nguyễn Thị Duyên	10/08/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
442	Phạm Quang Đầu	01/01/1941	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
443	Trịnh Thị Đề	18/03/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
444	Dương Thị Hên	01/01/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
445	Nguyễn Thị Hên	01/01/1941	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
446	Vũ Thị Hoa	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
447	Lê Như Huỳnh	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
448	Dương Văn Hường	30/12/1941	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
449	Nguyễn Thị Kê	20/04/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
450	Dương Công Khanh	17/05/1944	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
451	Phạm Thị Khế	01/01/1934	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
452	Nguyễn Thị Khuynh	16/02/1942	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
453	Nguyễn Thị Lán	01/01/1941	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
454	Dương Thị Lắm	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
455	Dương Thị Lịch	01/01/1933	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
456	Nguyễn Thị Mại	01/01/1937	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
457	Trần Thị Man	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
458	Trần Thị Nụ	20/05/1947	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
459	Nguyễn Văn Ngà	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
460	Dương Văn Ngoan	25/09/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
461	Lã Thị Ngụy	10/08/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
462	Nguyễn Văn Ngư	10/10/1943	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
463	Dương Ngọc Nha	20/08/1947	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
464	Dương Văn Nhận	10/05/1943	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
465	Nguyễn Thị Nhí	10/05/1938	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
466	Phạm Thị Nhời (Dương Thị Huyền)	19/12/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
467	Đặng Thị Phi	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
468	Nguyễn Thị Quý	09/08/1945	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
469	Trần Thị Sâu	01/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
470	Dương Văn Siu (Dương Thị Huyền)	11/12/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

471	Vũ Thị Tài	16/08/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
472	Dương Thị Tèo	01/01/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
473	Phạm Văn Toàn	21/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
474	Lê Văn Tổ	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
475	Dương Thị Tới	01/01/1939	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
476	Dương Thị Tư	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
477	Dương Thị Tý	01/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
478	Dương Thị Tý	01/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
479	Dương Thị Tý	01/01/1943	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
480	Trần Thị Than	01/01/1942	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
481	Nguyễn Thị Thiêng	01/01/1936	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
482	Dương Văn Thuần	01/01/1941	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
483	Phạm Văn Thực	06/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
484	Trần Thị Thực	01/01/1945	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
485	Phạm Thị Vinh	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
486	Dương Thị Bé	01/01/1939	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
487	Dương Thị Bé	01/01/1943	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
488	Nguyễn Thị Bé	01/01/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
489	Trần Thị Cúc	01/01/1945	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
490	Phạm Kim Cư	01/02/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
491	Trương Quang Cừ	02/09/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
492	Dương Thị Cừu	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
493	Trần Thị Chay	01/01/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
494	Dương Thị Chút	01/01/1933	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
495	Dương Văn Chữ	01/01/1940	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
496	Nguyễn Thị Doan	30/11/1943	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
497	Phạm Thị Duyên	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
498	Nguyễn Văn Duyệt	15/02/1947	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
499	Lý Văn Dư	01/10/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
500	Trần Văn Để	01/01/1932	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
501	Dương Văn Đóa	10/02/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
502	Nguyễn Thị Gựng	05/06/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

503	Nguyễn Mạnh Hà	06/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
504	Dương Văn Hồ	01/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
505	Lê Thiết Kế	01/01/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
506	Lê Thị Khấn	01/01/1934	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
507	Dương Văn Khường	06/07/1945	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
508	Trần Thị Là	01/01/1933	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
509	Phạm Văn Linh	01/01/1937	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
510	Nguyễn Thị Lợi	01/01/1929	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
511	Nguyễn Thị Lữ	01/01/1945	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
512	Nguyễn Minh Mạnh	01/08/1938	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
513	Dương Thị Mâu	01/06/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
514	Phạm Thị Nùng	01/01/1934	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
515	Dương Xuân Nuôi	03/11/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
516	Dương Thị Ngàn	11/02/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
517	Dương Văn Ngọa	15/12/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
518	Phạm Thị Nhạ	01/01/1940	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
519	Trần Thị Nhất	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
520	Nguyễn Thị Nhuần	01/01/1935	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
521	Nguyễn Thị Nhuận	01/01/1930	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
522	Dương Đức Phận	03/01/1939	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
523	Nguyễn Thị Phụng	01/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
524	Lê Thị Quyển	01/01/1924	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
525	Dương Thị Sứ	01/01/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
526	Dương Thanh Sử	01/01/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
527	Phạm Thị Toàn	01/01/1947	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
528	Phạm Văn Tuấn	20/05/1947	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
529	Lã Thiên Tứ	27/02/1951	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
530	Nguyễn Thị Tha	01/01/1947	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
531	Dương Văn Thà	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
532	Đặng Thị Thanh	01/01/1943	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
533	Dương Tiến Thành	01/04/1944	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
534	Nguyễn Văn Thành	14/04/1950	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

535	Nguyễn Thị Thành	01/01/1941	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
536	Trần Văn Trịnh	06/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
537	Phạm Thị Vẹn	05/08/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
538	Dương Thị Xếp	12/01/1946	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
539	Dương Thị Xim	01/01/1949	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
540	Lê Hồng Cư	21/11/1948	An Châu	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
541	Trần Thị Am	01/01/1949	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
542	Nguyễn Thị Cung	01/01/1938	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
543	Đặng Thị Châm	01/01/1936	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
544	Phạm Thị Chương	01/01/1951	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
545	Phạm Công Dân	01/01/1949	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
546	Đặng Như Diễn	01/01/1951	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
547	Dương Thị Dịp	01/01/1946	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
548	Trần Minh Đâm	01/01/1943	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
549	Nguyễn Thị Đoan	01/01/1937	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
550	Nguyễn Thị Gái	10/04/1950	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
551	Đặng Thị Hường	14/07/1945	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
552	Vũ Thị Khôn	01/01/1937	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
553	Đặng Văn Lạc	01/01/1948	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
554	Phạm Thị Lịch	01/01/1945	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
555	Đặng Ngọc Loan	02/08/1949	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
556	Dương Thị Mao	01/01/1949	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
557	Đặng Xuân Nhiệm	24/10/1950	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
558	Trần Thị Oanh	01/01/1939	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
559	Trần Thị Quyết	01/01/1950	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
560	Đặng Văn Tín	10/10/1943	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
561	Đặng Văn Thán	01/01/1948	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
562	Lê Thị Thập	01/01/1948	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
563	Đặng Thị Thêu	01/01/1948	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
564	Đặng Văn Thiện	01/01/1950	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
565	Đặng Thị Thung	01/01/1929	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
566	Nguyễn Thị Viên	01/01/1949	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000

[illegible]

598	Trần Thị Sứ	24/05/1951	Phương Độ	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
599	Nguyễn Thị Thọ	25/12/1950	Phổ Hiến	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
600	Nguyễn Văn Quyết	22/09/1953	Quảng Châu 3	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
601	Nguyễn Xuân Lý	01/01/1954	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
602	Nguyễn Thị Thuận	01/01/1954	Quảng Châu 5	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000
603	Đào Thị Minh	20/12/1952	Phù Sa	7-2026	1.0	500,000	540,000	40,000	3 tháng	120,000